

Phụ lục I:
DANH MỤC KHỐI PHÒNG CÒN THIẾU THEO QUY ĐỊNH

I. Cấp THCS

TT	Tên đơn vị	<i>Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 (kèm số lượng)</i>				
		Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao
1	Ý Yên	Đa năng (32) Âm nhạc (30) Mĩ thuật (30) Công Nghệ (8) Ngoại ngữ (10) KHXH (34) KHTN (9)	Bảo vệ (1) Văn phòng (5) Phó Hiệu trưởng (1) Khu vệ sinh (2)	Thư viện (2) Đội (3) Truyền thông (11) Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (11) Thiết bị GD (6)	Tổ chuyên môn (6) Khu để xe (4) Nhà kho (5) Giáo viên (32)	Sân thể dục (4) Nhà thi đấu đa năng (29) Đệm nhảy (4)
2	Vụ Bản	Đa năng (19) Âm nhạc (03) Mĩ thuật (04) Ngoại ngữ (3) Đa chức năng (2)	Văn phòng (1)	phòng Thiết bị (3), Phòng Tư vấn học đường (4), Phòng Đoàn đội (4)	Phòng họp tổ (7) Phòng Kho (1)	Nhà thi đấu đa năng (17) Sân thể dục (06)
3	Mỹ Lộc	Ngoại ngữ (06) Âm nhạc (08) Mĩ Thuật (09) Đa chức năng (01) Công nghệ (01) KHXH (01) KHTN(01)	Bảo vệ (01) Đảng, Đoàn thể (02)	Thiết bị (01), Tư vấn học đường (01), Truyền thông (01), Đoàn đội (01)	Tổ chuyên môn (04) Kho (01) Phòng nghỉ (01)	
4	TP Nam Định	Đa năng (18) Âm nhạc (15) Mĩ thuật (14) Công Nghệ (9) Ngoại ngữ (13) KHXH (5) KHTN (15)	Văn phòng (7) Phó Hiệu trưởng (5) Đảng, Đoàn thể (07)	Thư viện (8) Đội (5) Truyền thông (7) Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (9) Thiết bị GD (5)	Tổ chuyên môn (21) Khu để xe (6) Nhà kho (1) Phòng nghỉ Giáo viên (9)	Sân thể dục (12) Nhà thi đấu đa năng (2)

TT	Tên đơn vị	<i>Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 (kèm số lượng)</i>				
		Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao
		Phòng Tin : 3				
5	Nghĩa Hưng	Phòng Âm nhạc (8) Phòng đa năng (14) Phòng bộ môn Công nghệ (10) Phòng HKTN (4) Phòng KHXH (8) Phòng Mỹ thuật (13) Phòng Ngoại ngữ (3) Phòng Tin học (1)	Bảo vệ (6) Phòng tổ chức Đảng (2) Tổ KHTN (2) Tổ KHXH (2) THư viện (1) Truyền thông (1)	Khu đọc sách của HS (1) Phòng Đoàn đội (1) Phòng Tư vấn tâm lý (6) Phòng thiết bị GD (12) Phòng Truyền thông (6)	Khu VS HS (2) Kho (4) Tổ CM (6)	Nhà đa năng (12) Sân thể dục (6)
6	Trực Ninh	Phòng học (2), Âm nhạc (8), Mĩ thuật (10) Công nghệ (4), KHTN (2), KHXH (12), Đa năng (12)	Bảo vệ (1), Khu vệ sinh cho GV (1)	Thư viện (1), Thiết bị (11), Tư vấn tâm lý (10), Truyền thông (3)	Phòng họp (1), Tổ KHTN (4), Nhà kho (6), Khu để xe (1), Tổ KHXH (4), Y tế (1), Khu vệ sinh HS (1)	Sân TDTT (4), Nhà đa năng (17)
7	Nam Trực	Mỹ thuật (12) Âm nhạc(12) Đa chức năng (10) Phòng Tin (2) Phòng Tiếng (2) Phòng KHTN (5) Phòng KHXH (5) Phòng Công nghệ (5)	Phòng bảo vệ (2) Văn phòng (2) Tổ KHTN (1) Tổ KHXH (1)	Phòng tư vấn tâm lí học đường (9) Phòng tiếp dân (7) Phòng truyền thông (2)	Phòng nghỉ giáo viên (6)	Nhà đa năng (14) Sân TDTT (2)
8	Xuân Trường	Đa chức năng (20); Âm nhạc (12); Mỹ thuật (9); Phòng Tin (1); KHXH (18); KHTN (8) ; Công Nghệ (6); Ngoại ngữ (3)	Phòng hiệu trưởng (1); Phòng Phó hiệu trưởng(2), Văn phòng (3), Nhà bảo vệ (1) Nhà xe giáo viên (1) Khu vệ sinh giáo viên (2)	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ hoạt động giáo dục (16); Phòng truyền thông (10) ; Phòng Đoàn, Đội (3); Thư viện (2);	Phòng nghỉ giáo viên (13); Phòng họp (2), Phòng các tổ chuyên môn(3) Phòng y tế trường học(2) Nhà kho(2)	Nhà đa năng (11); Sân thể thao (6); Bể bơi (21)

TT	Tên đơn vị	<i>Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 (kèm số lượng)</i>				
		Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao
9	Hải Hậu	Âm nhạc (12), Mĩ thuật (15), Công nghệ (12), KHTN (2), KHXH (7), Ngoại ngữ (12), Đa chức năng (18)	Bảo vệ (1)	Thiết bị giáo dục (4), Tư vấn học đường (11)	Nhà kho (2), Phòng nghỉ giáo viên (23)	Nhà đa năng (22)
10	Giao Thủy	Mỹ thuật (7); Âm nhạc (3); Công nghệ (3); Ngoại ngữ (7); KHTN (2); KHXH (4); Đa chức năng (5)	Văn phòng (01)	Tư vấn học đường (01); thiết bị giáo dục (02); truyền thông (01); Đoàn-Đội (01)	Phòng tổ chuyên môn (01); phòng nghỉ giáo viên (01)	Bể bơi (23); Nhà đa năng (3)

II. Cấp THPT

TT	Tên đơn vị	Số lớp 03 khối lớp	Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 đáp ứng chuẩn 1						
			Số phòng học hiện có	Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao	Ghi chú
1	Lê Hồng Phong	48	48	Phòng bộ môn Âm nhạc; Mỹ thuật	0	0	0	Thiếu khu sân chơi, khu tập TDTT cho học sinh khoảng 4.000m ²	
2	Trần Hưng Đạo	34	22	Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	Phòng tư vấn học đường; Phòng học ngoại ngữ Thư viện chưa đủ tiêu chuẩn về diện tích và thiết bị	Phòng họp tổ/Nhóm chuyên môn	Thiếu nhà đa năng	Trường đang xây dựng theo đề án UBND tỉnh Nam Định
3	Nguyễn Khuyến	32	32	Phòng học bộ môn công nghệ, phòng học môn Âm nhạc, phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	Phòng tư vấn học đường; Thư viện chưa đủ tiêu chuẩn về diện tích và thiết bị	Phòng họp các tổ chuyên môn	Thiếu nhà đa năng	
4	Ngô Quyền	30	30	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Công nghệ, Phòng học đa chức năng, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	0	0	0	
5	Nguyễn Huệ	24	24	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Công nghệ, Phòng học đa chức năng, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	Phòng Truyền thống	Phòng họp các tổ chuyên môn	Thiếu 1000 m ²	

TT	Tên đơn vị	Số lớp 03 khối lớp	Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 đáp ứng chuẩn 1						Ghi chú
			Số phòng học hiện có	Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao	
6	Tổng Văn Trân	33	33	Phòng học bộ môn âm nhạc, phòng học bộ môn mỹ thuật	0	Phòng tư vấn học đường; Phòng thiết bị giáo dục; Thư viện chưa đủ tiêu chuẩn về diện tích và thiết bị	0	0	
7	Phạm Văn Nghị	30	30	Phòng học bộ môn âm nhạc, mỹ thuật	0	0	0	0	
8	Mỹ Tho	33	33	Phòng học bộ môn công nghệ, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	0	0	0	
9	Lý Nhân Tông	20	24	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	Khối phòng hành chính, quản trị	Phòng tư vấn học đường	Phòng họp tổ/Nhóm chuyên môn	0	
10	Đại An	21	24	Phòng bộ môn âm nhạc, mỹ thuật	0	0	0	0	
11	Đỗ Huy Liêu	18	22	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, phòng Công nghệ, phòng tin học mới có 01 phòng, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	0	Phòng họp tổ/Nhóm chuyên môn	0	
12	Mỹ Lộc	30	30	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	Phòng thiết bị giáo dục	0	0	
13	Trần Văn Lan	22	22	Phòng học bộ môn Khoa học	0	Phòng tư vấn học	Phòng họp	0	

TT	Tên đơn vị	Số lớp 03 khối lớp	<i>Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 đáp ứng chuẩn 1</i>							
			Số phòng học hiện có	Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao	Ghi chú	
				xã hội, Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Công nghệ, Phòng học đa chức năng, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật			đường	tổ/Nhóm chuyên môn		
14	Hoàng Văn Thu	30	30	Phòng học môn Ngoại ngữ; Phòng học môn âm nhạc	0	Phòng tư vấn học đường; phòng thiết bị giáo dục; thư viện	Phòng họp tổ/Nhóm chuyên môn	Sân bóng đá		
15	Lương Thế Vinh	23	30	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	Thư viện đang sử dụng tạm ở vị trí phòng học (03 trong số 30 phòng hiện có)	Khu nhà xe học sinh còn tương đối chật hẹp	Sân bóng đá		
16	Nguyễn Bình	21	21	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, môn Ngoại ngữ, môn Công nghệ, môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật, phòng đa chức năng	Khu nhà hiệu bộ xuống cấp, cánh cửa gỗ đã mục gần hết, tường bong tróc	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng họp tổ/Nhóm chuyên môn còn thiếu. Khu để xe của HS và GV chưa đủ diện tích	Sân trường + 01 Sân bóng chuyên + 01 sân bóng đá + Nhà đa năng		
17	Nguyễn Đức Thuận	21	21	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, môn Ngoại ngữ, môn Âm nhạc, môn Mỹ thuật, Phòng học đa chức năng; Các phòng hiện có nhưng không đạt chuẩn (Phòng học bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ)	0	Phòng thiết bị giáo dục	0	0		
18	Lý Tự Trọng	31	31	Phòng học bộ môn Khoa học	0	1	Phòng giáo	0		

TT	Tên đơn vị	Số lớp 03 khối lớp	<i>Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 đáp ứng chuẩn 1</i>						
			Số phòng học hiện có	Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao	Ghi chú
				xã hội, Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Công nghệ, Phòng học đa chức năng, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật			viên		
19	Nguyễn Du	26	26	Phòng học bộ môn KHXH, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	Phòng thiết bị giáo dục	0	0	
20	Nam Trực	33	33	Âm nhạc, Mỹ thuật	Khu nhà vệ sinh giáo viên	Chưa có phòng tư vấn riêng	Khu để xe học sinh, khu vệ sinh học sinh	Thiếu khu sân chơi cho học sinh	
21	Trần Văn Bảo	21	21	Âm nhạc, Mỹ thuật, phòng bộ môn KHXH, phòng tiếng Anh, phòng môn Công nghệ	0	Phòng tư vấn học đường; phòng thiết bị giáo dục; thư viện chưa đủ tiêu chuẩn về diện tích và thiết bị	Phòng tổ chuyên môn; phòng nghỉ giáo viên; phòng y tế(đang tận dụng 1/2 phòng chờ của GV); phòng họp (đang tận dụng phòng lớp học)	0	
22	Trực Ninh	33	33	Âm nhạc, Mỹ thuật	02 nhà vệ sinh chung	0	0	Sân trường + sân thể dục thể thao thiếu khoảng 6000	
23	Trực Ninh B	30	30	Âm nhạc, Mỹ thuật	0	0	0	0	
24	Nguyễn Trãi	24	24	Phòng: Âm nhạc, Mỹ thuật; Thư viện;	06 nhà vệ sinh học	Chưa có phòng tư vấn tâm lý học	Nhà để xe của học sinh	Sân bãi thấp so với mặt ruộng bên ngoài nên	

TT	Tên đơn vị	Số lớp 03 khối lớp	<i>Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 đáp ứng chuẩn 1</i>						
			Số phòng học hiện có	Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao	Ghi chú
				Phòng học bộ môn Công Nghệ; Phòng học bộ môn KHKT; Phòng Đa chức năng, Phòng thiết bị giáo dục	sinh xuống cấp cần tu sửa	đường	cũ, hỏng nhiều	thường xuyên bị ngập nước vào mùa mưa, mùa nước đổ ải, mùa nước lớn	
25	Lê Quý Đôn	27	25	02 phòng học; phòng Âm nhạc, Phòng Mỹ thuật, Phòng Đa chức năng, Phòng KHXH; Phòng STEM	Toàn bộ khu hiệu bộ xuống cấp cần tu sửa lại	Chưa có phòng tư vấn tâm lý học đường	Nhà vệ sinh của học sinh, nhà xe của học sinh xuống cấp cần làm lại	Sân Bóng đá, sân bóng chuyền....	
26	Xuân Trường	36	36	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật, phòng đa chức năng	0	0	Khu nhà hiệu bộ, các khu vệ sinh học sinh xuống cấp	Thiếu sân chơi cho học sinh 5000	
27	Xuân TrườngB	36	36	Ngoại ngữ, Công nghệ, Đa chức năng, Âm nhạc, Mỹ thuật	0	0	0	0	
28	Xuân Trường C	21	24	Phòng học bộ môn âm nhạc, công nghệ, mỹ thuật, phòng đa chức năng, phòng học bộ môn KHXH	Xuống cấp, cần sửa lại (SD 20 năm)	Phòng đọc GV	- Khu để xe học sinh 05 nhà; - Khu vệ sinh học sinh thiếu 22 xí Nam, 15 tiểu nữ, chưa có khu vệ sinh học sinh tách riêng tầng, dãy nhà;	Thiếu sân TDTT chưa ngăn cách với các phòng chức năng, còn ảnh hưởng đến các hoạt động dạy học trong các lớp, đề nghị được cấp thêm đất để làm sân TDTT cho HS phía sau nhà trường.	Hầu hết các dãy phòng học B, D, E và phòng hành chính quản trị (nhà C) đã sử dụng khoảng 20 năm, xuống cấp, cần tu sửa lại hoặc xây lại

Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 đáp ứng chuẩn 1

TT	Tên đơn vị	Số lớp 03 khối lớp	<i>Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 đáp ứng chuẩn 1</i>						
			Số phòng học hiện có	Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao	Ghi chú
								- Phòng nghỉ giáo viên: 02 phòng; - Phòng y tế: 01: phòng.	
29	Ng. Trường Thuý	22	22	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Công nghệ, Phòng học đa chức năng, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	Chưa có phòng tư vấn riêng	0	0	
30	Giao Thuý	37	39	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Công nghệ, Phòng học đa chức năng, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	Chưa có phòng tư vấn riêng	0	0	
31	Giao Thuý B	36	36	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, Phòng học bộ môn Công nghệ, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	0	0	0	
32	Giao Thuý C	28	30	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Công nghệ, Phòng học đa chức năng, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	Khối nhà điều hành (Hiệu bộ)	Phòng tư vấn tâm lý học đường	Phòng họp tổ/Nhóm chuyên môn	Thiếu khu sân chơi bãi tập cho học sinh khoảng 5.000m ²	

TT	Tên đơn vị	Số lớp 03 khối lớp	<i>Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 đáp ứng chuẩn 1</i>						
			Số phòng học hiện có	Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao	Ghi chú
33	Quất Lâm	24	24	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Công nghệ, Phòng học đa chức năng, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	Phòng thiết bị giáo dục	0	0	
34	Hải Hậu A	36	36	Phòng học bộ môn Mỹ thuật, Âm nhạc	0	0	0	0	
35	Hải Hậu B	29	29	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	0	0	0	
36	Hải Hậu C	31	31	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật, phòng bộ môn Công nghệ, phòng học đa chức năng	0	0	0	Thiếu khu sân chơi bãi tập cho học sinh khoảng 5.000m ²	
37	Thịnh Long	21	21	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	Tư vấn học đường	0	0	
38	Tr. Quốc Tuấn	24	24	Phòng học đa năng, phòng học mỹ thuật, phòng học âm nhạc	0	Tư vấn học đường	0	5,000	
39	An phúc	20	21	Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật, phòng học bộ môn công nghệ, Phòng STEM-STEAM, Phòng học tiếng Anh theo	Văn phòng	0	0	0	

TT	Tên đơn vị	Số lớp 03 khối lớp	<i>Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 đáp ứng chuẩn 1</i>						
			Số phòng học hiện có	Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao	Ghi chú
				tiêu chuẩn mới; phòng học đa năng; phòng học bộ môn Vật lí, Hóa học, Sinh học					
40	Vũ Văn Hiếu	25	25	Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật, Phòng STEM-STEAM,	0	0	0	0	
41	A Nghĩa Hưng	36	36	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội, Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Công nghệ, Phòng học đa chức năng, Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	Phòng tư vấn học đường	0	0	
42	B Nghĩa Hưng	31	34	Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	0	0	0	
43	C Nghĩa Hưng	30	30	Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật, phòng học bộ môn công nghệ, Phòng STEM-STEAM, Phòng học tiếng Anh theo tiêu chuẩn mới	0	Phòng tư vấn học đường; phòng thiết bị giáo dục; thư viện chưa đủ tiêu chuẩn về diện tích và thiết bị; phòng học bộ môn mỹ thuật ; phòng học bộ môn KHXH	0	Sân bãi thấp so với mặt đường bên ngoài nên thường xuyên bị ngập nước vào mùa mưa	
44	Nghĩa Minh	18	18	Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật, phòng học bộ môn công nghệ, phòng học tiếng Anh theo tiêu chuẩn mới	0	Thiết bị giáo dục	0	0	
45	Trần Nhân Tông	18	18	Phòng học bộ môn Âm nhạc, Phòng học bộ môn Mỹ thuật, phòng học bộ môn công nghệ	0	Thiết bị giáo dục	0	5,000	

TT	Tên đơn vị	Số lớp 03 khối lớp	Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 đáp ứng chuẩn 1						
			Số phòng học hiện có	Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao	Ghi chú
46	Hùng Vương	3	3	Tiếng Anh, Lý, Hoá, Sinh, Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật		Phòng tư vấn học đường; phòng thiết bị giáo dục; thư viện chưa đủ tiêu chuẩn về diện tích và thiết bị	Phòng họp tổ chuyên môn	0	
47	Nguyễn Công Trứ	28	28	Phòng học tiếng Anh theo tiêu chuẩn mới	0	0	Phòng họp tổ chuyên môn	6000	
48	Trần Quang Khải	15	19	Phòng học bộ môn vật lý, Mỹ thuật, âm nhạc	0	Thiết bị giáo dục	Phòng họp tổ chuyên môn	Chưa có	
49	Trần Nhật Duật	14	15	Phòng học bộ môn		Phòng tư vấn học đường	Phòng họp tổ chuyên môn	0	
50	Ý Yên	18	18	Phòng học bộ môn công nghệ, mỹ thuật, phòng STEM-STEAM, phòng học tiếng Anh theo tiêu chuẩn mới	0	0	0	0	
51	Phan Bội Châu	9	12	Phòng học bộ môn	0	Thiết bị giáo dục	Phòng họp tổ chuyên môn	0	
52	Quang Trung	20	20	Phòng mỹ thuật, Âm nhạc	0	Thiết bị giáo dục	0	0	
53	Đoàn Kết	10	16	0	0	0	Phòng các tổ chuyên môn	0	
54	Nghĩa Hưng	10	11	Tiếng anh, Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ	0	Tư vấn học đường, thiết bị giáo dục	Phòng các tổ chuyên môn	0	
55	Cao Phong	13	16	Tiếng Anh, Lý, Hoá, Sinh, Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật, phòng STEM-STEAM	0	0	Phòng các tổ chuyên môn	0	
56	Thiên Trường	19	23	Tiếng Anh, Lý, Hoá, Sinh, Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật	0	Tư vấn học đường	0	0	
57	Tô Hiến Thành	17	23	Tiếng Anh, công nghệ, sinh .	0	Tư vấn học đường,	Phòng các tổ	0	

TT	Tên đơn vị	Số lớp 03 khối lớp	Liệt kê các phòng thiếu theo Thông tư số 13/2020 đáp ứng chuẩn 1						Ghi chú
			Số phòng học hiện có	Trong khối phòng học tập	Trong khối hành chính quản trị	Trong khối phòng hỗ trợ học tập	Trong khối phụ trợ	Trong Khu sân chơi, thể dục thể thao	
				toán		thư viện	chuyên môn		

Phụ lục II.
ĐẦU TƯ KINH PHÍ MUA SẴM THIẾT BỊ DẠY HỌC
VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT THỰC HIỆN CT GDPT 2018 CẤP THPT

TT	Tên trường	Tên thiết bị	Kinh phí	Nguồn kinh phí
1	Lê Hồng Phong	Thiết bị dạy học môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, máy chiếu đa năng và màn chiếu 3 chân, bàn ghế giáo viên và học sinh, màn hình Led	4.100.000.000	NSNN+XHH
2	Phan Bội Châu	Nhà thi đấu TDTT, sân cỏ nhân tạo, điều hòa, tivi thông minh	2.100.000.000	NSNN
3	Tổng Văn Trân	02 đài caset, 01 máy tính xách tay, 20 USB, 01 máy, 01 bảng chống lóa, 528 bộ bàn ghế 02 chỗ ngồi; 12 bộ bàn ghế GV, 12 bảng chống lóa, 45 cây máy tính, 40 tivi thông minh	1.660.000.000	NSNN + XHH
4	Nguyễn Công Trứ	2 Màn hình led, 1 sân bóng đá, 1 sân bóng rổ, 30 dụng cụ TDTT, 60 máy tính, 75 hóa chất, 98 dụng cụ thí nghiệm, 35 đồ dùng dạy học, 48 mic trợ giảng cho GV, 9 loa nghe tiếng Anh, ...	1.500.000.000	NSNN
5	Lê Quý Đôn	24 máy tính cho phòng tin học; 27 Máy tính trên lớp; 27 tivi thông minh, mạng internet đến các lớp học; 54 điều hòa cho học sinh; thiết bị thực hành môn hóa học, sinh học theo bộ	1.320.000.000	NSNN+XHH
6	Trần Văn Lan	02 Tivi thông minh, 29 bàn ghế học sinh và giáo viên, 07 loa đài, âm ly. 01 máy tính xách tay, 2 máy tính cây; 01 sân cỏ nhân tạo ; 01 màn hình LED	894.858.500	NSNN+XHH
7	Mỹ Lộc	Hệ thống loa, mic, âm ly, cục đẩy; Tivi thông minh; Máy vi tính; 01 màn hình Led, 24 bộ bàn ghế; Hóa chất, dụng cụ TDTT, thiết bị, đồ dùng dạy học	839.895.000	NSNN+XHH
8	A Nghĩa Hưng	Sân tập luyện thể thao, mua dụng cụ TDTT, lắp đường mạng, mua bàn, ghế, Tivi thông minh, máy tính, máy in	839.490.000	NSNN+XHH
9	Tr. Quốc Tuấn	Tivi thông minh; Máy vi tính, máy chiếu; Bàn ghế học sinh, bàn quây; Dụng cụ TDTT, thiết bị, đồ dùng dạy học, bảng chống lóa	837.646.000	NSNN+XHH
10	Cao Phong	Điều hòa, Tivi thông minh, Bảng từ chống lóa 2 lớp, Biển khẩu hiệu, Tủ đựng đồ, Máy vi tính	813.000.000	NSNT+XHH
11	Xuân Trường	Tivi thông minh, Bảng chống lóa, Máy vi tính, Loa, Máy in, Tủ sắt, Quạt, Điều hòa	773.829.000	NSNN+XHH
12	Ngô Quyền	ti vi thông minh, Máy tính xách tay, Máy tính để bàn, Máy in, Máy quét bài thi, bàn ghế	760.000.000	NSNN

TT	Tên trường	Tên thiết bị	Kinh phí	Nguồn kinh phí
		4 chỗ, bàn ghế hs 2 chỗ ngồi		
13	Nghĩa Minh	Sân luyện tập thể thao; Dụng cụ TĐTT; Máy tính; Bàn ghế học sinh; Hệ thống mạng; Ti vi thông minh	750.000.000	NSNN+XHH
14	Lý Nhân Tông	Máy chiếu, Máy vi tính, Máy in, Tivi thông minh, Bàn ghế học sinh, Bảng chống lóa học sinh, Điều hòa, Máy lọc nước học sinh, Bàn họp, Tủ hồ sơ học sinh	710.296.000	NSNN
15	Giao Thủy B	- Ti vi thông minh, máy tính, phần mềm, SGK, sân cỏ, loa, camera, dây nhảy Bàn vi tính học sinh 2 chỗ ngồi, - Mua hóa chất thiết bị môn hóa học và sinh học, dụng cụ TĐTT	698.547.200	NSNN
16	Hải Hậu B	Tivi thông minh, Máy vi tính, Máy chiếu, màn chiếu, các thiết bị liên quan, Hóa chất, dụng cụ TĐTT, thiết bị, đồ dùng dạy học	650.000.000	NSNN+XHH
17	Lý Tự Trọng	Ti vi thông minh, Bàn ghế học sinh, Bảng từ chống lóa, Máy vi tính, Bàn bóng bàn, Mua sách	627.234.000	NSNN+XHH
18	Xuân Trường C	Máy tính để bàn, Máy tính xách tay, Máy in, Máy scan+ máy chiếu, Tivi+ Điều hòa, Cục đẩy tăng âm, Bàn ghế học sinh, Micro + bức tranh, Trồng+Bàn hội trường, kệ hội trường, Ghế gấp hội trường	609.010.000	NSNN+XHH
19	Vũ Văn Hiếu	Sân cỏ nhân tạo, 01 phòng máy tính; tivi	576.000.000	XHH
20	Đoàn Kết	Máy tính xách tay, Tivi thông minh, Hệ thống camera, Mạng Internet, Dụng cụ TĐTT, Bàn ghế học sinh, Máy tính để bàn, Máy in	550.000.000	NSNN
21	An phúc	Bộ TB Thực hành, TN Biểu diễn các môn Hóa, Lí, Sinh	500.000.000	NSNN
22	Trần Nhân Tông	Cây máy tính, Máy tính sách tay, Máy in, Máy chiếu, Máy tính để bàn, Âm thanh, Bàn ghế học sinh, TBTN, Dụng cụ TĐTT	451.617.000	NSNN
23	Mỹ Tho	Tivi thông minh, âm ly loa, bảng tương tác, bảng chống lóa, bàn ghế	450.000.000	NSNN+XHH
24	B Nghĩa Hưng	Dụng cụ TĐTT, hệ thống mạng internet, hệ thống camera, loa đài, máy vi tính, bàn ghế...	448.327.000	NSNN
25	Trực Ninh B	13 Ti vi, 01 Âm thanh lớp học, 08 Máy tính để bàn, 18 bộ bàn ghế học sinh	436.800.000	NSNN+XHH
26	Trần Văn Bảo	Ti vi thông minh; âm thanh các phòng học; Máy vi tính; Bàn ghế 04 chỗ ngồi	428.000.000	NSNN+XHH
27	Lương Thế Vinh	22 máy chiếu, 01 Loa kéo học TĐTT, 10 bảng chống Lóa, 01 bộ xà đơn, 01 bộ xà kép, 01 bộ bóng rổ	420.000.000	NSNN+XHH
28	Trực Ninh	Ti vi thông minh, máy tính, Mua hóa chất thiết bị môn hóa học và sinh học, dụng cụ TĐTT	410.975.000	NSNN
29	Trần Hưng Đạo	Tivi thông minh, âm ly, loa	381.000.000	XHH
30	Trần Nhật Duật	Máy chiếu, điều hòa, bàn ghế, giá sách	381.000.000	NSNN
31	Hải Hậu A	Ti vi thông minh	357.000.000	NSNN+XHH
32	Ng. Trường Thuý	Hóa chất, Dụng cụ TĐTT, Máy tính, bàn ghế,...	348.109.000	NSNN

TT	Tên trường	Tên thiết bị	Kinh phí	Nguồn kinh phí
33	Hải Hậu C	Tivi thông minh, Máy vi tính, Bàn ghế học sinh, Hóa chất, dụng cụ TDDT, thiết bị, đồ dùng dạy học	318.577.648	NSNN
34	Hoàng Văn Thụ	Ti vi thông minh	300.000.000	NSNN
35	Nguyễn Trãi	Tivi thông minh, Máy vi tính, Nâng cấp hệ thống mạng Intenert, Hóa chất, dụng cụ TDDT, thiết bị, đồ dùng dạy học	260.000.000	NSNN
36	C Nghĩa Hưng	Máy tính, ti vi thông minh	250.000.000	XHH
37	Giao Thủy	Máy vi tính, ti vi thông minh	248.357.000	XHH
38	Thịnh Long	Tivi thông minh, Máy vi tính, Máy chiếu, màn chiếu, các thiết bị liên quan, Bảng chống lóa	238.500.000	NSNN+XHH
39	Nghĩa Hưng	Máy vi tính, máy chiếu	237.240.000	NSNN+XHH
40	Tô Hiến Thành	Thiết bị TN các phòng bộ môn, 19 ti vi thông minh, camera các phòng, hệ thống internet	220.000.000	NSNN
41	Nguyễn Bính	Dụng cụ TDDT, loa, âm ly, máy tính, tivi	200.000.000	NSNN - XHH
42	Xuân TrườngB	Tivi thông minh, máy tính, bảng chống lóa, dụng cụ TDDT, thiết bị, đồ dùng dạy học	196.750.000	NSNN+XHH
43	Nguyễn Đức Thuận	Máy vi tính để bàn, Dụng cụ TDDT, Hóa chất	194.327.400	NSNN
44	Trần Quang Khải	Máy vi tính, hệ thống Webcam, hệ thống mạng Internet, hóa chất và một số thiết bị thay thế	180.000.000	NSNN
45	Thiên Trường	Tivi thông minh, Loa Webcam, hệ thống Internet	174.000.000	NSNN+XHH
46	Nguyễn Huệ	Bàn, Ghế HS, Bàn ghế, tủ, Dụng cụ TDDT, thiết bị, đồ dùng dạy học	153.923.700	NSNN
47	Ý Yên	Tivi thông minh, âm ly loa. bảng tương tác , bảng chống lóa, bàn ghế 2 chỗ	150.000.000	NSNN
48	Đỗ Huy Liêu	Tivi thông minh, dụng cụ TDDT..., Bàn ghế học sinh, Bảng chống lóa, thiết bị TN	150.000.000	NSNN
49	Quang Trung	Máy vi tính, hệ thống Webcam, loa, hệ thống mạng Internet	150.000.000	NSNN
50	Đại An	Tivi thông minh, thiết bị dạy học, thiết bị thí nghiệm,	150.000.000	NSNN+XHH
51	Phạm Văn Nghị	Tivi thông minh	150.000.000	XHH
52	Nguyễn Khuyến	Tivi thông minh	150.000.000	XHH
53	Nguyễn Du	Hóa chất, dụng cụ TDDT, thiết bị, đồ dùng dạy học; Tivi thông minh; Hệ thống mạng	135.554.000	NSNN
54	Giao Thủy C	Ti vi thông minh	130.350.000	XHH
55	Hùng Vương	Máy tính xách tay, hệ thống Webcam, loa, hệ thống mạng Internet, hoá chất	102.000.000	NSNN
56	Quất Lâm	Ti vi thông minh, máy tính xách tay, điều hoà, màn hình chiếu	99.850.000	NSNN
57	Nam Trực	Dụng cụ TDDT, Tiền mua sách giáo viên, Bàn, ghế học sinh từ nguồn xã hội hóa	61.600.000	NSNN
		Tổng	31.223.663.448	

Phụ lục III. THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018
I. Cấp THCS

TT	Phòng GDĐT	Cán bộ quản lý					GV tham gia dạy lớp 8			Tỷ lệ TB GV/lớp (cả cũ và mới)	Số điều động/biệt phái/tăng cường trong năm	Số GV cần được đào tạo dạy môn LS&ĐL	Số GV cần được đào tạo dạy môn KHTN
		Tổng số	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Tổng số	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn				
1	Ý Yên	63	31	32	63	0	384	378	6	1,76	27	93	98
2	Vụ Bản	34	19	15	34	0	295	286	9	1,74	8	15	68
3	Mỹ Lộc	19	10	9	19	0	159	155	4	1,74	0	24	35
4	TP Nam Định	42	18	24	42	0	502	496	6	1,79	7	29	47
5	Nghĩa Hưng	50	25	25	50	0	332	301	31	1,92	13	81	82
6	Trực Ninh	48	22	26	48	0	348	323	25	1,93	10	63	77
7	Nam Trực	47	20	27	47	0	402	476	29	1,77	0	78	89
8	Xuân Trường	47	21	26	47	0	339	321	18	1,99	5	70	74
9	Hải Hậu	71	35	36	71	0	526	499	29	1,74	56	70	82
10	Giao Thủy	42	21	21	42	0	317	313	4	1,90	36	81	92
	Tổng	463	222	241	463	0	3604	3548	161		162	604	744

Số lượng thừa, thiếu giáo viên cấp THCS (theo môn học) (Thời điểm báo cáo 19/4/2023)*Số liệu theo Báo cáo số 637/SGDDĐT-TCCB ngày 19/4/2023*

STT	Môn học	Tổng số GV hiện có	GV cần có theo định mức	Giáo viên thừa thiếu	
				Thừa	Thiếu
1	Ngữ văn	1.396	1.059	280	0
2	Toán	1.340	1.062	249	0
3	Ngoại ngữ	611	566	45	0
4	GDCD	71	217	0	146
5	Lịch Sử và Địa lý	250	504	0	254
6	KH tự nhiên	862	915	0	53
7	Công nghệ	154	240	0	86
8	Thể chất	345	371	0	26
9	Nghệ thuật	402	390	12	0
10	Tin học	244	279	0	35
		5.675	5.603	586	600

Dự kiến số lượng giáo viên được Bồi dưỡng giáo viên thực hiện CT GDPT 2018
Số liệu theo Công văn số 1105/SGDDĐT-TCCB ngày 30/6/2023

TT	Đơn vị	Tổng số	Môn Lịch sử và Địa lí	Môn Khoa học tự nhiên	Môn Tin học
1	TP Nam Định	214	86	98	30
2	Mỹ Lộc	59	18	30	11
3	Vụ Bản	165	62	75	28
4	Ý Yên	263	105	116	42
5	Nghĩa Hưng	160	65	66	29
6	Nam Trực	287	124	128	35
7	Trực Ninh	152	55	62	35
8	Xuân Trường	236	101	97	38
9	Giao Thủy	251	98	122	31
10	Hải Hậu	236	82	109	45
	Tổng	2023	796	903	324

II. Cấp THPT

TT	Trường THPT	Cán bộ quản lý			CBQL/GV tham gia dạy lớp 11		Ghi chú
		Tổng số	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng số	Trên chuẩn	
1	Lê Hồng Phong	3	1	2	83	66	
2	Trần Hưng Đạo	3	1	2	53	20	
3	Nguyễn Khuyến	3	1	2	52	19	
4	Ngô Quyền	3	1	2	50	15	
5	Nguyễn Huệ	3	1	2	53	17	
6	Tổng Văn Trân	3	1	2	46	7	
7	Phạm Văn Nghị	3	1	2	42	3	
8	Mỹ Tho	3	1	2	43	4	
9	Lý Nhân Tông	3	1	2	30	11	
10	Đại An	3	1	2	50	6	
11	Đỗ Huy Liêu	3	1	2	28	5	
12	Mỹ Lộc	3	1	2	65	12	
13	Trần Văn Lan	3	1	2	50	10	
14	Hoàng Văn Thụ	3	1	2	51	7	
15	Lương Thế Vinh	3	1	2	33	6	
16	Nguyễn Bính	3	1	2	29	8	
17	Nguyễn Đức Thuận	3	1	2	29	9	
18	Lý Tự Trọng	3	1	2	44	7	
19	Nguyễn Du	3	1	2	35	4	
20	Nam Trực	4	1	3	51	9	
21	Trần Văn Bảo	3	1	2	24	3	

TT	Trường THPT	Cán bộ quản lý			CBQL/GV tham gia dạy lớp 11		Ghi chú
		Tổng số	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng số	Trên chuẩn	
22	Trực Ninh	3	1	2	30	3	
23	Trực Ninh B	4	1	3	40	8	
24	Nguyễn Trãi	3	1	2	41	4	
25	Lê Quý Đôn	3	1	2	40	3	
26	Xuân Trường	4	1	3	44	9	
27	Xuân Trường B	3	1	2	49	8	
28	Xuân Trường C	3	1	2	26	3	
29	Ng. Trường Thủy	3	1	2	31	3	
30	Giao Thủy	3	1	2	44	10	
31	Giao Thủy B	3	1	2	42	5	
32	Giao Thủy C	3	1	2	31	3	
33	Quất Lâm	3	1	2	39	3	
34	Hải Hậu A	3	1	2	48	14	
35	Hải Hậu B	3	1	2	43	5	
36	Hải Hậu C	3	1	2	47	4	
37	Thịnh Long	3	1	2	30	6	
38	Tr. Quốc Tuấn	3	1	2	35	10	
39	An phúc	3	1	2	41	7	
40	Vũ Văn Hiếu	3	1	2	29	7	
41	A Nghĩa Hưng	4	1	3	50	4	
42	B Nghĩa Hưng	4	1	3	41	11	
43	C Nghĩa Hưng	3	1	2	40	8	
44	Nghĩa Minh	3	1	2	37	8	
45	Trần Nhân Tông	3	1	2	24	6	
46	Hùng Vương	1	1	0	10	0	
47	Nguyễn Công Trứ	3	1	2	41	15	
48	Trần Quang Khải	2	1	1	18	5	
49	Trần Nhật Duật	1	0	1	23	5	
50	Ý Yên	2	1	1	26	2	
51	Phan Bội Châu	2	1	1	10	0	
52	Quang Trung	3	1	2	21	2	
53	Đoàn Kết	1	1	0	22	1	
54	Nghĩa Hưng	1	0	1	11	1	
55	Cao Phong	2	1	1	15	2	
56	Thiên Trường	3	1	2	20	5	
57	Tô Hiến Thành	2	1	1	25	1	
	Tổng	163	55	108	2.105	439	